

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **31/2015/QĐ-UBND**

Sơn La, ngày 14 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định quản lý Thoát nước và xử lý nước thải
trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;


Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số: 130/TTr-SXD ngày 08/10/2015 Về việc đề nghị ban hành Quy định quản lý Thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Sơn La,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý Thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Sơn La; TTCNTT tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu VT, Quý-KTN,85b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Hải

QUY ĐỊNH

Quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của UBND tỉnh Sơn La)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải, đầu nối thoát nước, dịch vụ thoát nước tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung các cơ quan và các tổ chức, cá nhân, hộ thoát nước có các hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Các nội dung khác liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải không nêu tại quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Ống nối là đoạn ống dẫn nước thải từ hồ kiểm tra tới điểm đầu nối để xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

2. Xử lý nước thải phi tập trung là một trong các giải pháp xử lý nước thải cho các khu vực chưa được kết nối hoặc điều kiện thực tế không cho phép kết nối với hệ thống thoát nước tập trung. Nước thải sau khi xử lý phải đảm bảo theo quy định trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Điều 3. Nguyên tắc chung quản lý thoát nước và xử lý nước thải

1. Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải được thiết kế và xây dựng đồng bộ. Trong trường hợp hạn hẹp về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư theo thứ tự ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, bao gồm cả các công trình xử lý bùn cặn. Ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải sau khi xây dựng xong phải được giao cho đơn vị có đủ năng lực để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị quản lý, vận hành.

3. Người sử dụng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải phải trả tiền dịch vụ; nguồn thu từ giá sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải đáp ứng từng bước và tiến tới bù đắp hoàn toàn chi phí dịch vụ thoát nước.

4. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo điều 38 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

5. Nước thải có tính chất nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Khuyến khích và huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đầu tư, quản lý, vận hành duy tu bảo dưỡng các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập chung, cơ sở thu gom chế biến nông sản và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Quản lý cao độ có liên quan đến thoát nước

Thực hiện theo quy định tại điều 6 Nghị định 80/2014/ND-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 về thoát nước và xử lý nước thải

Điều 5. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu các hệ thống thoát nước, thu gom xử lý nước thải đô thị thuộc đô thị loại III trở lên, được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ sở hữu hệ thống thoát nước, thu gom xử lý nước thải đô thị loại IV, V và các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn không thuộc cấp tỉnh quản lý (trừ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải nêu tại khoản 3 điều này và khoản 2, khoản 3 điều 10 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và khoản).

3. Các cơ sở y tế là chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trong phạm vi cơ sở y tế được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải theo phân cấp tại khoản 1, 2, 3 điều này trực tiếp quyết định lựa chọn đơn vị có đủ năng lực để quản lý vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải.

CHƯƠNG II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 6. Chủ đầu tư dự án xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

1. Ủy ban nhân dân theo phân cấp quản lý hoặc đơn vị thoát nước được giao làm chủ đầu tư xây dựng các công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đối với các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tại các đô thị, đòi hỏi có trình độ chuyên

môn và năng lực cao của Ban quản lý dự án, thì Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân các đô thị hưởng lợi.

2. Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc có thể nhận một phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo hình thức đầu tư công tư (PPP).

3. Công trình thoát nước do cộng đồng đóng góp, đại diện chủ đầu tư do cộng đồng quyết định.

Điều 7. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước

1. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm bảo đảm tiêu thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, nâng cao độ bao phủ dịch vụ và cải thiện chất lượng dịch vụ.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước phải phù hợp với Định hướng Phát triển thoát nước, Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch thoát nước đã được phê duyệt.

Điều 8. Nguồn vốn đầu tư

1. Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải các đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, Trung tâm giáo dục lao động và cơ sở y tế trên địa bàn được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Xã hội hóa trong đầu tư hệ thống thoát nước, xử lý nước thải: UBND tỉnh khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở thu gom chế biến nông sản.


Điều 9. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải tuân theo các quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định khác có liên quan của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

2. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải thực hiện đồng bộ từ mạng cống cấp 1, 2, 3; đầu nối hộ thoát nước, đến nhà máy xử lý nước thải, cửa xả ra môi trường. Trong trường hợp hạn hẹp về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư theo thứ tự ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, kể cả công trình xử lý bùn thải cho lưu vực lựa chọn.

Điều 10. Lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

1. Các khu dân cư nông thôn tập trung; cơ sở thu gom chế biến nông sản; các Trung tâm giáo dục lao động và các Cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh khuyến khích ưu tiên lựa chọn đầu tư xây hệ thống thu gom, xử lý nước thải phi tập trung.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể, UBND tỉnh quyết định việc áp dụng các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp với quy định tại điều 16 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải. 

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 11. Lựa chọn đơn vị thoát nước

Chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước. Đảm bảo các quy định tại điều 17 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải.

1. Quyền của chủ sở hữu:

a) Lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị chuyên nghiệp để quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải;

b) Giám sát và kiểm tra hệ thống thoát nước và các hạng mục của hệ thống này vào bất cứ thời điểm nào để đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng đã ký;

c) Không can thiệp vào các công việc cụ thể liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và hoạt động tài chính của đơn vị thoát nước, bao gồm cả các vấn đề về quản lý nhân sự, phương pháp vận hành hệ thống và các vấn đề cụ thể khác mà không có sự thông báo trước bằng văn bản và không được sự chấp thuận của đơn vị thoát nước.

2. Trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu:

a) Có trách nhiệm lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 (một) bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, các bản vẽ hoàn công các công trình đã được xây dựng (nếu có). Trong trường hợp không có các bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước, Chủ sở hữu tài sản hoặc đại diện chủ sở hữu tài sản sẽ tiến hành khảo sát thống kê, xác định vị trí, kích thước cơ bản, đánh giá hiện trạng vật chất, đánh giá giá trị còn lại của tài sản. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ Chủ sở hữu tài sản hoặc đại diện chủ sở hữu tài sản thực hiện nhiệm vụ khảo sát thống kê này nhằm lập bản đồ hệ thống thoát nước;

b) Xin ý kiến chấp thuận của Ủy ban Nhân dân tỉnh về nội dung và giá trị hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải hàng năm (đối với các chủ sở hữu quy định tại khoản 2 điều 5 quy định này);

c) Phối hợp với Đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đầu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước;

d) Đảm bảo, bố trí ngân sách phù hợp điều kiện thực tế thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Đơn vị thoát nước theo nội dung của hợp đồng;

U

đ) Có trách nhiệm phê chuẩn đúng thời hạn các kế hoạch đầu tư do Đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của hợp đồng quản lý, vận hành;

e) Hỗ trợ Đơn vị thoát nước trong việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Quyền của đơn vị thoát nước:

a) Ký hợp đồng dịch vụ thoát nước và thực hiện hợp đồng theo quy định;

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Pháp luật, được thanh toán đúng và đầy đủ chi phí dịch vụ, quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng và các công trình hệ thống thoát nước theo hợp đồng đã ký kết;

c) Cuối năm tài chính, Đơn vị thoát nước sẽ tính toán chi phí quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng các công trình của hệ thống thoát nước cho năm tài chính tiếp theo để chủ sở hữu tài sản hoặc đại diện của chủ sở hữu tài sản trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và phê duyệt, trước khi hai bên ký phụ lục hợp đồng;

d) Được bồi thường thiệt hại do các bên liên quan gây ra theo quy định của pháp luật;

đ) Đề xuất các kế hoạch, quy hoạch, cải tạo, mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

e) Giải quyết miễn trừ đấu nối hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đấu nối vào cùng một vị trí đấu nối và một hố kiểm tra.

2. Đơn vị thoát nước có nghĩa vụ:

a) Xây dựng kế hoạch, lộ trình đấu nối và báo cáo chủ sở hữu hệ thống thoát nước để được sự chỉ đạo kịp thời;

b) Tuân thủ các quy trình, quy định về vận hành hệ thống thoát nước;

c) Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước;

d) Tham gia phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng giá dịch vụ thoát nước để cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định;

đ) Thiết lập cơ sở dữ liệu, quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý; thống kê, cung cấp số liệu các khách hàng (đối với khách hàng sử dụng hệ thống cấp nước tập trung) cho đơn vị cấp nước để tiến hành tổ chức thu tiền giá dịch vụ thoát nước theo quy định;

e) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

g) Cung cấp thông tin về thoát nước cho cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân liên quan khi có yêu cầu;

h) Bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định;

i) Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước theo quy định;

k) Bồi thường khi gây thiệt hại cho hộ thoát nước theo quy định của pháp luật;

l) Thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các tổ chức, hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung (*Thông qua hợp đồng cụ thể của các bên*);

- m) Các nghĩa vụ khác theo định của pháp luật.
3. Đơn vị thoát nước có các trách nhiệm sau đây:
- a) Thông báo đến hộ thoát nước biết để thực hiện đấu nối ngay khi đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các điểm đấu nối thu gom nước thải;
 - b) Khảo sát, thiết kế, lập dự toán và thi công đấu nối (nếu hộ thoát nước yêu cầu);
 - c) Có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết;
 - d) Giám sát việc xây dựng các công trình thu gom của các hộ thoát nước theo hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký;
 - đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc đấu nối nước thải;
 - e) Hàng năm có kế hoạch thiết lập và xây dựng các điểm đấu nối mới để phục vụ cho nhu cầu đấu nối của các hộ thoát nước trong phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước;
 - g) Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị phản ánh có liên quan đến dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải do mình quản lý;
 - h) Báo cáo với chủ sở hữu, các cơ quan hữu quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của các tổ chức, cá nhân gây ảnh hưởng, thiệt hại tới hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;
 - i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ thoát nước

1. Các tổ chức, cá nhân, hộ thoát nước có các quyền sau đây:
 - a) Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật;
 - b) Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;
 - c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước;
 - d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo quy định của pháp luật;
 - đ) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị thoát nước hoặc các bên có liên quan;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Các tổ chức, cá nhân, hộ thoát nước có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thanh toán giá dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn;
 - b) Xả nước thải sinh hoạt vào hệ thống thoát nước tại điểm đấu nối đúng quy định; đối với các loại nước thải khác phải xử lý nước thải cục bộ đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
 - c) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;
 - d) Đấu nối hệ thống thoát nước của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước thải;

d) Bồi thường khi gây ra thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hộ thoát nước có các trách nhiệm sau đây:

a) Hoàn trả nguyên trạng mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công;

b) Thông báo thời điểm thi công đấu nối để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng đấu nối bảo đảm đúng quy định;

c) Tích cực tham gia và hưởng ứng chương trình giáo dục truyền thống, nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước.

Điều 15. Quản lý hệ thống thoát nước mưa

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước mưa, nội dung bao gồm:

1. Xây dựng quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quản lý, thực hiện quan trắc chất lượng trong hệ thống.

2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nạo vét duy tu bảo dưỡng các tuyến cống, mương, hố ga, cửa thu nước đảm bảo dòng chảy theo thiết kế.

3. Định kỳ kiểm tra đánh giá chất lượng các tuyến cống, mương, hố ga, cửa thu nước, đề xuất phương án thay thế, sửa chữa (nếu có) với chủ sở hữu.

Điều 16. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước

Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn trật tự, an toàn giao thông và đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi tiến hành nạo vét gửi Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện để phối hợp quản lý. Chất thải nạo vét phải được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng, không để chất thải rơi vãi khi lưu thông trên đường và đổ thải đúng nơi theo quy định.

2. Nạo vét đến đâu, phải tiến hành đập nắp tấm đan, chèn kín mạch hệ thống thoát nước đến đó. Không để miệng cống, hố ga hở qua đêm.

3. Không nạo vét vào các giờ cao điểm từ 11 giờ 00 đến 14 giờ 00 và từ 17 giờ 00 đến 19 giờ 00 hàng ngày.

CHƯƠNG IV QUY ĐỊNH VỀ ĐẤU NỐI

Điều 17. Quy định về điểm đấu nối và đầu tư xây dựng đấu nối

1. Điểm đấu nối là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước. Điểm đấu nối do chủ sở hữu (hoặc đơn vị thoát nước) đầu tư xây dựng từ nguồn vốn của chủ sở hữu hệ thống thoát nước được giao quản lý. Vị trí điểm đấu nối được xác định nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước được bố trí trên phần đất công sát ranh giới giữa phần đất công và đất tư của hộ

thoát nước. Cao độ và các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nổi do đơn vị thoát nước quy định và phải tuân thủ quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư tuyến, ống, cống thu gom để vận chuyển nước thải từ các điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nổi (trừ trường hợp dự án đầu tư hệ thống thoát nước hỗ trợ kinh phí đầu nổi). Các hộ thoát nước lân cận trên cùng tuyến thu gom được phép đầu tư xây dựng chung một tuyến công thu gom vận chuyển nước thải, nhưng phải đảm bảo yêu cầu về đầu nổi và được đơn vị thoát nước chấp thuận.

3. Việc thi công đầu nổi do đơn vị thoát nước, đơn vị thực hiện thi công dự án thoát nước thực hiện (trong trường hợp công tác đầu nổi là một hạng mục của dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước) hoặc hộ thoát nước tự tổ chức thi công dưới sự giám sát của đơn vị thoát nước nhằm đảm bảo đúng thiết kế được duyệt. Sau khi đầu nổi hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu thi công đầu nổi của đơn vị thoát nước.

Điều 18. Phạm vi và điểm đầu nổi

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống thoát nước phải thực hiện đầu nổi ngay khi nhận được thông báo của đơn vị thoát nước (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014). Việc đầu nổi thực hiện đảm bảo phù hợp với các nội dung của quy định này.

2. Đối với các hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình đã đầu nổi vào hệ thống thoát nước trước khi quy định này có hiệu lực nhưng đầu nổi chưa phù hợp quy định thì phải thực hiện điều chỉnh lại đầu nổi đảm bảo phù hợp quy định này, khi có thông báo của đơn vị thoát nước.

3. Đối với các hộ thoát nước thải khác (không phải nước thải sinh hoạt) thì bắt buộc điều chỉnh đầu nổi đảm bảo phù hợp quy định này và tuân thủ quy định tại khoản 2 điều 32 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải ngay khi nhận được thông báo của đơn vị thoát nước.

Điều 19. Yêu cầu về kỹ thuật đầu nổi

1. Việc đầu nổi hệ thống thoát nước phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác.

2. Ống thoát nước từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nổi phải có đường kính lớn hơn hoặc bằng 90mm, có độ dốc phù hợp để đảm bảo không bị tắc nghẽn.

3. Ống thoát nước được sử dụng đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định và có độ bền cao. Khuyến khích sử dụng ống thoát nước làm bằng nhựa PVC, UPVC...

Điều 20. Quyền, trách nhiệm của các bên liên quan và trình tự, thủ tục đầu nổi nước thải

1. Bước 1: Đơn vị thoát nước thông báo Kế hoạch đầu nổi nước thải đến các hộ thoát nước theo từng khu vực, cụm dân cư hoặc các hộ thoát nước trong phạm vi có mạng lưới đường ống thoát nước.

2. Bước 2: Đơn vị thoát nước tổ chức khảo sát, thiết kế và lập dự toán đầu nổi, trường hợp hộ thoát nước tự thiết kế đầu nổi thì thiết kế phải đúng quy định,

yêu cầu và được đơn vị thoát nước chấp thuận. (Thời gian khảo sát, thiết kế và lập dự toán hoặc chấp thuận thiết kế của đơn vị thoát nước không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của hộ thoát nước). Sau khi khảo sát, thiết kế và lập dự toán thì Đơn vị thoát nước thỏa thuận đấu nối với từng hộ thoát nước.

3. Bước 3: Đơn vị thoát nước thỏa thuận và ký hợp đồng dịch vụ thoát nước với hộ thoát nước (Thời gian ký hợp đồng tối đa là 10 ngày làm việc) và ký hợp đồng với nhà thầu thi công (nếu có).

4. Bước 4: Tổ chức thi công đấu nối:

- Trường hợp đấu nối thoát nước là một hạng mục của dự án đầu tư, xây dựng hệ thống thoát nước thì việc thi công đấu nối do đơn vị thi công đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thực hiện.

- Trường hợp hộ thoát nước thuê đơn vị thoát nước thi công: Đơn vị thoát nước thông báo kế hoạch thi công cho hộ thoát nước; tổ chức thi công, giám sát thi công, nghiệm thu thanh toán theo quy định.

- Trường hợp Hộ thoát nước tự tổ chức thi công: Hộ thoát nước tự chịu trách nhiệm và tổ chức thi công dưới sự giám sát của đơn vị thoát nước.

Điều 21. Chi phí đấu nối và chính sách hỗ trợ

1. Chi phí đấu nối bao gồm các chi phí: Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, lắp đặt ống, phụ kiện và hoàn trả mặt bằng từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối.

2. Đối với các hộ thoát nước thuộc đối tượng chính sách (là gia đình bà mẹ Việt Nam anh hùng; gia đình có thương binh, liệt sỹ; gia đình có công với cách mạng), hộ nghèo có xác nhận của UBND cấp xã, thì được hỗ trợ toàn bộ chi phí để thực hiện đấu nối từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối (nhưng không vượt mức giá trần do UBND tỉnh quy định).

3. Đối với các hộ thoát nước không thuộc khoản 2 điều này, chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải xem xét điều kiện thực tế để hỗ trợ chi phí khảo sát thiết kế, lập dự toán và tối đa 50% chi phí vật liệu, nhân công để thực hiện đấu nối theo thỏa thuận (mức hỗ trợ không vượt quá mức giá trần do UBND tỉnh quy định).

4. Kinh phí hỗ trợ đấu nối sử dụng từ Nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.

5. Đối với các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mà chi phí đấu nối nằm trong chi phí thực hiện dự án (do người quyết định đầu tư phê duyệt) thì chi phí đấu nối lấy từ nguồn vốn thực hiện dự án.

Điều 22. Thực hiện hỗ trợ đấu nối và thu hồi hỗ trợ đấu nối

1. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ:

a) Bước 1: UBND cấp huyện chủ trì phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức rà soát lập danh sách đối tượng được hỗ trợ và lập dự toán kinh phí hỗ trợ đấu nối cho từng đối tượng gửi Sở Tài chính thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt;

ct

b) Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ đầu nối, UBND cấp huyện phải tổ chức bàn giao toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho từng đối tượng theo danh sách được duyệt. Thủ tục bàn giao hỗ trợ do UBND cấp huyện tự quy định.

2. Thu hồi hỗ trợ: Sau 90 ngày kể từ ngày nhận kinh phí hỗ trợ đầu nối, nếu hộ thoát nước chưa hoàn thành việc đầu nối theo quy định, đơn vị thoát nước có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện để xem xét thu hồi kinh phí hỗ trợ.

CHƯƠNG V

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 23. Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước

1. Đơn vị quản lý vận hành thoát nước phải xây dựng “Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước” đồng thời công bố với hộ thoát nước làm căn cứ để đánh giá việc thực hiện dịch vụ. “Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước” là tài liệu không tách rời của hợp đồng dịch vụ thoát nước.

2. Nội dung của “Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước” phải được Sở Xây dựng thẩm định cho ý kiến trước khi ban hành.

Điều 24. Trách nhiệm lập, thẩm định, cho ý kiến và quyết định giá dịch vụ thoát nước

1. Trách nhiệm lập, thẩm định và quyết định giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 41 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

2. Đối với giá dịch vụ thoát nước tại các khu công nghiệp nêu tại khoản 3 điều 41 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, trước khi quyết định về mức giá phải có ý kiến của Sở Xây dựng và Sở Tài chính.

Điều 25. Xác định khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối để tính giá dịch vụ thoát nước

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

a) Trường hợp các hộ, các tổ chức, cá nhân thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

b) Trường hợp không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối được tính bằng 2m³/người/tháng. Số người được xác định theo số nhân khẩu thực tế thường trú do UBND cấp xã xác nhận (đối với hộ gia đình);

c) Các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng sinh hoạt thì khối lượng nước sạch sử dụng do cơ sở tự kê khai và được UBND cấp xã xác nhận (căn cứ vào quy mô hoạt động của cơ sở kinh doanh, dịch vụ).

2. Đối với các loại nước thải khác:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 26. Xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải để xác định giá dịch vụ thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 27. Hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước. Hợp đồng dịch vụ thoát nước được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước.

2. Mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 28. Ngừng dịch vụ thoát nước

Thực hiện theo quy định tại điều 28 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và được thể hiện cụ thể trong hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng dịch vụ thoát nước.

**CHƯƠNG VI
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THOÁT NƯỚC
VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Điều 29. Trách nhiệm của các Sở, Ngành

1. Sở Xây dựng

a) Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với toàn bộ hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh. Giúp UBND tỉnh quản lý đối với hệ thống thoát nước, thu gom xử lý nước thải đô thị thuộc cấp tỉnh quản lý. Chịu trách nhiệm trực tiếp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra đối với toàn bộ hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch và hướng dẫn việc thực hiện đầu tư phát triển thoát nước của tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định;

d) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác quy định tại khoản 2 điều

U

41 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan Kiểm tra, Thanh tra chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, Cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc thực hiện quyết định giá dịch vụ thoát nước theo quy định;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành mức giá trần cho công tác hỗ trợ đầu nổi để làm cơ sở cho việc xác định các chính sách hỗ trợ liên quan;

g) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước đô thị;

h) Hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn việc lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hàng năm tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để đưa vào kế hoạch đầu tư trung hạn và kế hoạch hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định và cân đối nguồn vốn kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Lập danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa;

d) Làm đầu mối vận động, thu hút nguồn vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác cho đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước của tỉnh theo thứ tự ưu tiên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá dịch vụ thoát nước đô thị đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thẩm định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị;

c) Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện thu, chi giá dịch vụ thoát nước;

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương.

U

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- a) Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;
- b) Tham mưu cho UBND tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, tiếp nhận, thẩm định việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (trừ công trình thủy lợi);
- c) Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên phạm vi toàn tỉnh;
- b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi;
- c) Thực hiện việc cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý theo quy định;
- d) Quản lý việc xả nước thải của các cơ sở thu mua chế biến, sơ chế hàng nông sản (cà phê, ngô, khoai, sắn, mía...) có xả nước thải từ việc sơ chế các loại nông sản trên ra môi trường.

6. Sở Y tế

- a) Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc giám sát chất lượng nước thải của các cơ sở y tế, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung;
- b) Hướng dẫn các cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng nước thải y tế hiện hành.

7. Công an tỉnh

- a) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải của các tổ chức, cá nhân, hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh;
- b) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, giải trình những vấn đề liên quan để làm rõ các hành vi, vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải, được thực hiện công tác kiểm định môi trường, sử dụng thiết bị, tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ công tác phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 30. Trách nhiệm của Ban Quản lý khu công nghiệp

Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải trong khu công nghiệp do mình quản lý. *U*

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện tốt quy định quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn quản lý.

2. Trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải và là chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo phân cấp tại điều 5 quy định này.

3. Tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải (bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hộp đấu nối đến đường ống, cống cấp 3, cấp 2 và cấp 1).

4. Lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị thoát nước có đủ năng lực để thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình làm chủ sở hữu. Khuyến khích lựa chọn theo hình thức đấu thầu.

5. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn.

6. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện tốt quy định quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn quản lý.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải. Trong quá trình kiểm tra phát hiện những vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải phải báo cáo kịp thời cho UBND huyện để xử lý theo quy định.

3. Xác nhận khối lượng nước sạch sử dụng của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự kê khai trên địa bàn mình quản lý để làm cơ sở thu giá dịch vụ thoát nước thải sinh hoạt.

4. Xác nhận số nhân khẩu thực tế thường trú đối với hộ gia đình không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung để làm cơ sở thu giá dịch vụ thoát nước thải sinh hoạt.

5. Xác nhận đối với các hộ thoát nước là gia đình chính sách, hộ nghèo để làm căn cứ hỗ trợ chi phí đầu nối quy định tại điều 21 quy định này.

6. Có trách nhiệm quản lý việc thoát nước, xả thải tại các khu dân cư tập trung trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 33. Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ Hạ tầng kỹ thuật có liên quan

Khi đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa đường ống cấp nước phải theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tính đồng bộ và yêu

tổ an toàn với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đó có hệ thống thoát nước. Nếu làm hư hỏng hệ thống thoát nước phải bồi thường theo quy định.

Điều 34. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

Có trách nhiệm tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước thông qua hóa đơn tiền nước đối với các hộ thoát nước có sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung (Trên cơ sở danh sách, hợp đồng của các tổ chức, cá nhân do đơn vị thoát nước cung cấp) và được hưởng một phần chi phí phục vụ công tác thu tiền do UBND tỉnh Quy định.

Điều 35. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện tốt quy định này.

2. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hướng dẫn các hộ thoát nước xả thải ra vùng tiếp nhận thực hiện các điều khoản có liên quan trong Quy định này. Báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu để có các biện pháp khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./. *U*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải